



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY OF BUSINESS AND TECHNOLOGY (HUBT)

THÔNG TIN TUYỂN SINH **ĐẠI HỌC CHÍNH QUY** **NĂM 2025**



TỔNG ĐÀI
TUYỂN SINH

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

1900 633695

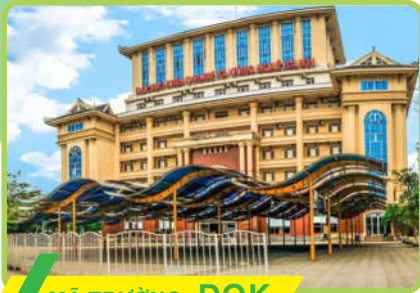
Địa chỉ: số 29A, ngõ 124 phố Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Website: www.hubt.edu.vn

Chuyên trang tư vấn: tuyensinh.hubt.edu.vn

Điện thoại: (024)3.6339113





MÃ TRƯỜNG: DQK

SỨ MẠNG

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (thành lập năm 1996) là tổ chức hợp tác của những người lao động trí óc, hoạt động vì sự nghiệp “trồng người”, không vì mục tiêu lợi nhuận, đào tạo các nhà kinh tế và kỹ thuật - công nghệ thực hành, các bác sỹ, dược sỹ có tay nghề cao, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU

TT	Mã ngành	Ngành học	Mã PTXT	Chỉ tiêu *	Tổ hợp xét tuyển
1	7340101	Quản trị kinh doanh	100,200,402	960	A00,A01,X17,D01,C04,D10,D09,X25
2	7340120	Kinh doanh quốc tế	100,200,402	400	A00,X21,C04,D01,D10,D09,X25
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100,200,402	370	A00,A01,D10,X01,X17,C03,D01,X25
4	7340301	Kế toán	100,200,402	470	A00,X17,C03,D01,D10,C01,D09,X25
5	7380107	Luật kinh tế	100,200,402	300	A00,C00,X01,D01,D09,D10,C03,X25
6	7310101	Kinh tế	100,200,402	200	A00,A01,X17,D01,X21,X05,X06,X11
7	7310205	Quản lý nhà nước	100,200,402	40	D01,C00,X70,X78,X21,X05,X62,C04
8	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100,200,402	250	A00,A07,C00,X78,X21,X05,X74,C04
9	7480201	Công nghệ thông tin	100,200,402	960	A00,A01,D10,D01,X26,X06,X02,X05
10	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	100,200,402	150	A00,A01,X21,D01,X05,X06,X07,X11
11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100,200,402	350	A00,A01,X21,D01,X05,X06,X07,X11
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100,200,402	150	A00,A01,X21,D01,X07,X11,X05,X06
13	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100,200,402	50	B00,A00,B03,C02,X07,X11,X05,A06
14	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100,200,402	50	A00,B00,A06,D12,X13,X62,X01,D07
15	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100,200,402	40	A00,A01,A04,X01,X21,X05,X06,X11
16	7580106	Quản lý đô thị và công trình	100,200,402	50	A00,A01,C00,D01,X21,X05,X06,X11
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	100,200,402	320	D01,D09,X78,C00,X25,D14,D15
18	7220202	Ngôn ngữ Nga	100,200,402	50	D01,D09,X78,C00,X25,D14,D15
19	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100,200,402	950	D01,D09,D14,D15,C00,X25,X78
20	7720101	Y khoa	100,200	140	A00,A02,B00,D08,B03,X13
21	7720201	Dược học	100,200	180	A00,A01,A02,B00,D07,X09,X10,X06,X13
22	7720301	Điều dưỡng	100,200	60	A00,A01,A02,B00,D07,X09,X10,X06,X13
23	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100,200	60	A00,A02,B00,D08
24	7210403	Thiết kế đồ họa	405,406	100	H01,H06,H08
25	7580108	Thiết kế nội thất	405,406	50	H01,H06,H08
26	7580101	Kiến trúc	405,406	50	V00,V01,V02,H00,H06,V03,V06,H02

Ghi chú: Mã PTXT

100: Xét Kết quả thi tốt nghiệp THPT;

200: Xét Kết quả học tập THPT;

402: Sử dụng Kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN;

405: Thi THPT kết hợp điểm năng khiếu;

406: Xét Kết quả học tập THPT kết hợp điểm năng khiếu.

*Chỉ tiêu ở bảng trên là số chỉ tiêu của năm 2024 Bộ GD&ĐT giao cho Trường

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- Nguyên tắc xét tuyển:** Căn cứ vào điểm xét tuyển, xếp từ cao xuống thấp
- Điểm xét tuyển:** Chi tiết cách tính điểm và quy đổi điểm của từng phương thức được công bố trong cuốn Thông tin tuyển sinh của Trường tại website:

tuyensinh.hubt.edu.vn

PHƯƠNG THỨC 1: Xét dựa vào kết quả học tập THPT

- Tiêu chí: Dựa vào Kết quả học tập cả năm lớp 12
- Điều kiện nộp hồ sơ: Xem chi tiết đối với các ngành tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

PHƯƠNG THỨC 2: Xét dựa vào kết quả thi THPT

- Tiêu chí: Dựa vào Kết quả thi THPT Quốc gia 2025
- Điều kiện xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm các môn thuộc tổ hợp của Ngành đăng ký xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng chung của Trường (sẽ có thông báo sau khi có kết quả thi THPT).

PHƯƠNG THỨC 3: Xét dựa vào kết quả ĐG tư duy, đánh giá năng lực

- Tiêu chí: Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do ĐHBK Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG Hà Nội tổ chức (HSA).
- Điều kiện xét tuyển: Xem chi tiết đối với các ngành tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

THÔNG TIN KHÁC

- Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong phạm vi cả nước
- Hồ sơ xét tuyển:**

Chi tiết xem tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

- Hình thức nhận hồ sơ:**

✓ Đăng ký nguyện vọng trên cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: thisinh.thithptquocgia.edu.vn

✓ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường

✓ Nộp trực tuyến tại tuyensinh.hubt.edu.vn

- Chính sách ưu tiên:** Thí sinh xét tuyển theo kết quả thi THPT được cộng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT.

✓ Chính sách ưu tiên khác: theo quy chế của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

Chi tiết xem tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

- Lệ phí xét tuyển và học phí:**

✓ Lệ phí xét tuyển và thi tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT

✓ Học phí:

Chi tiết xem tại website: tuyensinh.hubt.edu.vn

THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Cơ sở chính: Số 29A, Ngõ 124 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Cơ sở 2: Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Website: <https://hubt.edu.vn>
Website tuyển sinh: <https://tuyensinh.hubt.edu.vn>

024-36339113

Facebook



Website tuyển sinh





TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3188/ĐT

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Tên tiếng Anh: Hanoi University of Business and Technology (HUBT)

2. Mã trường: DQK

3. Địa chỉ:

+ Cơ sở chính: Số 29A, Ngõ 124 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.

+ Cơ sở 2: Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

4. Thông tin liên hệ

+ Website: <http://hubt.edu.vn>

+ Facebook: <https://www.facebook.com/dhkinhdoanhvacongnghet>

+ Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

+ Điện thoại liên hệ: 024-36339113 hoặc 1900 633 695.

+ Fax: 024-36336506

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:

+ Website tuyển sinh : <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

+ Website: <http://hubt.edu.vn>



II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

• Đối tượng tuyển sinh gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- Người có chứng nhận kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội (ký hiệu là TSA) tổ chức hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia Hà Nội (ký hiệu là HSA) tổ chức.

• Đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, cơ sở đào tạo thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phương thức tuyển sinh:

Trường sử dụng các phương thức xét tuyển sau:

- 1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- 2) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 12 (học bạ) bậc THPT (hoặc tương đương).
- 3) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội (TSA) tổ chức hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia Hà Nội (HSA) tổ chức.
- 4) Xét tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu và xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 bậc THPT. Các môn năng khiếu nhà trường có tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển dựa vào kết quả thi năng khiếu của các trường đại học trên cả nước.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

a. Phương thức xét tuyển bằng **Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025**

- **Các ngành thuộc 10 lĩnh vực:** Nghệ thuật, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Nhân văn, Khoa học xã hội, Du lịch, Môi trường: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là **19 điểm**.
- **Các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe:** Y đa khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng: theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Mức điểm trên bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng, khu vực.

- ✓ *Ngành Răng - Hàm - Mặt và Y đa khoa chỉ xét tuyển thí sinh có kết quả thi THPT năm 2025.*
- ✓ *Ngành Y khoa: Nếu thí sinh dùng tổ hợp A00 (Toán - Vật lý - Hóa học) để xét tuyển thì thí sinh phải có điểm thi THPT hoặc điểm tổng kết môn Sinh học cả năm lớp 12 từ trên 7.5 trở lên.*
- ✓ *Ngành Dược học: Nếu dùng tổ hợp không có môn Hóa học thì quy định phải có điểm thi THPT hoặc điểm tổng kết môn Hóa học cả năm lớp 12 từ 7.5 trở lên.*



b. Phương thức xét tuyển bằng *Kết quả học tập cả năm lớp 12 bậc THPT (học bạ)* hoặc tương đương.

- **Các ngành thuộc 10 lĩnh vực:** Nghệ thuật, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Nhân văn, Khoa học xã hội, Du lịch, Môi trường; Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là **19 điểm**.

- **Các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe:**

✓ Y đa khoa, Dược học: Kết quả học tập cả năm lớp 12 xếp loại **Tốt**; Kết quả rèn luyện cả năm lớp 12 xếp loại **Tốt** và tổ hợp xét tuyển từ điểm trở lên (***năm 2024 là 24 điểm***) – ***Trường sẽ có thông báo chính thức sau khi Bộ GDĐT công bố.***

✓ Răng - Hàm - Mặt: Kết quả học tập cả năm lớp 11, lớp 12 xếp loại **Tốt**; Kết quả rèn luyện cả năm lớp 11 và cả năm lớp 12 xếp loại **Tốt** và tổ hợp xét tuyển từ điểm trở lên (***năm 2024 là 24 điểm***) – ***Trường sẽ có thông báo chính thức sau khi Bộ GDĐT công bố.***

✓ Điều dưỡng: Kết quả học tập cả năm lớp 12 xếp loại từ **Khá** trở lên; Kết quả rèn luyện cả năm lớp 12 xếp loại **Khá** và tổ hợp xét tuyển từ điểm trở lên (***năm 2024 là 19,5 điểm***) – ***Trường sẽ có thông báo chính thức sau khi Bộ GDĐT công bố.***

✓ Ngành Răng - Hàm - Mặt và Y đa khoa chỉ xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 khi xét kết quả học THPT (học bạ).

✓ Ngành Y khoa: Nếu thí sinh dùng tổ hợp **A00 (Toán-Vật lí- Hóa học)** để xét tuyển thì thí sinh phải có điểm thi THPT hoặc điểm tổng kết môn **Sinh học** cả năm lớp 12 từ trên **7.5** trở lên.

✓ Ngành Dược học: Nếu dùng tổ hợp không có môn **Hóa học** thì quy định phải có điểm thi THPT hoặc điểm tổng kết môn **Hóa học** cả năm lớp 12 từ **7.5** trở lên.

c. Phương thức xét tuyển bằng *kết quả kỳ thi đánh giá tư duy* do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc *kết quả kỳ thi đánh giá năng lực* do Đại học Quốc Gia Hà Nội tổ chức (HSA).

- **Các ngành thuộc 10 lĩnh vực:** Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Xây dựng, Nhân văn, Khoa học xã hội, Du lịch, Môi trường.

Đối với kết quả TSA: **điểm** trở lên;

Đối với kết quả HSA: **điểm** trở lên (***Trường sẽ có thông báo chính thức sau.***)

- **Các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe và ngành có môn năng khiếu:** không xét phương thức trên.

✓ Thí sinh phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 loại **Khá** trở lên và kết quả rèn luyện ở mức **Đạt** trở lên.

✓ Trường sẽ quy đổi điểm thí sinh đạt được về thang điểm 30. Phương pháp quy đổi sẽ thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sẽ công bố sau.

d. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh

✓ Trường thống nhất sử dụng thang điểm 30 để xét tuyển.

✓ Trường sử dụng kết quả tuyển sinh của 02 năm gần nhất để xây dựng quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào giữa các PTXT.

✓ Sử dụng mức điểm trúng tuyển các ngành theo PTXT kết quả thi THPT để làm phương thức gốc.

✓ Hệ số quy đổi cụ thể Trường sẽ thông báo sau.



- **Đối với ngành có môn năng khiếu** (Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa; Kiến trúc):
 - Môn năng khiếu do Trường tổ chức thi tuyển;
 - Sử dụng kết quả thi môn Năng khiếu của các Trường Đại học khác trong cả nước;
 - Nếu tổ hợp có 1 môn năng khiếu, 2 môn văn hoá thì điểm của 2 môn văn hoá phải ≥ 12 ;
 - Nếu tổ hợp có 2 môn năng khiếu, 1 môn văn hoá thì điểm của môn văn hoá phải ≥ 6 ;
 - Kết quả rèn luyện cả năm lớp 12 xếp loại Khá trở lên cho tất cả các ngành.

Trường hợp sử dụng kết quả thi năng khiếu do Trường tổ chức thi:

Thời gian thi tuyển các môn năng khiếu do Trường tổ chức thi :

- Đối với Ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa:
 - ✓ **Ngày 21/07/2025:** Thí sinh làm thủ tục dự thi tại **Phòng A413** (Văn phòng khoa Mỹ Thuật) từ **8h00** đến **11h00**; Thí sinh làm bài thi Vẽ mỹ thuật (bố cục màu hoặc hình họa hoặc bài vẽ chủ đề, chất liệu tự chọn) tại **Phòng C714** (giấy vẽ phát tại phòng thi) từ **14h00** đến **16h00**.
 - ✓ Link thông báo xét tuyển: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn> ;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: **0243.638.0184 - 0912.882.676** (thầy Cao Anh Liệu).
- Đối với Ngành Kiến trúc: Thi năng khiếu và gửi hồ sơ đánh giá năng khiếu.
 - ✓ **Thi năng khiếu trực tiếp tại trường:**
Thời gian đăng ký: từ **01/06/2025** đến hết ngày **06/07/2025**.
 - ✓ **Ngày thi:** 8h00 – 12h00 ngày **09/07/2025**.
 - ✓ **Địa điểm thi:** Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.
 - ✓ Gửi hồ sơ đánh giá năng khiếu
 - ✓ **Nội dung hồ sơ:** Các bài vẽ mỹ thuật do thí sinh tự thực hiện; Bài tự luận về lý do chọn ngành kiến trúc, sự am hiểu về kiến trúc và đô thị.
 - ✓ **Cách thức nộp:** Gửi hồ sơ trực tuyến qua website: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn> Hoặc gửi bản cứng qua bưu điện.
 - ✓ **Thời gian nộp hồ sơ:** từ ngày **01/07/2025** đến **26/07/2025**.

Đợt nhận hồ sơ bổ sung (nếu có) sẽ được thông báo căn cứ theo kết quả trúng tuyển và quy định của Bộ GD&ĐT

- ✓ Hướng dẫn chi tiết về các hình thức thi năng khiếu tại website: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>
- ✓ Liên hệ tư vấn: Cô Sơn: **0983.305.030**; Thầy Toàn: **0973.214.368**

• **Trường hợp sử dụng kết quả thi năng khiếu của các Trường đại học trên cả nước:**

Tất cả các thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu của Nhà trường cần liên hệ trực tiếp với Trường để cung cấp điểm thi năng khiếu của Cơ sở đào tạo khác phục vụ cho việc xét tuyển:

Số điện thoại liên hệ:

Ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa: **0912.049.085**;

Ngành Kiến trúc: **0973.214.368**.



4. Chỉ tiêu tuyển sinh

(Chỉ tiêu trong Bảng là tham khảo của năm 2024 do Bộ GD&ĐT giao cho Trường):

TT	Mã trường	Tên chương trình	Mã xét tuyển /Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	DQK	Đại học chính quy	7340101	Quản trị kinh doanh	960	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
2	DQK	Đại học chính quy	7340120	Kinh doanh quốc tế	400	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
3	DQK	Đại học chính quy	7340201	Tài chính - Ngân hàng	370	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
4	DQK	Đại học chính quy	7340301	Kế toán	470	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
5	DQK	Đại học chính quy	7380107	Luật kinh tế	300	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
6	DQK	Đại học chính quy	7310101	Kinh tế	200	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
7	DQK	Đại học chính quy	7310205	Quản lý nhà nước	40	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
8	DQK	Đại học chính quy	7310103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
9	DQK	Đại học chính quy	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	50	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
10	DQK	Đại học chính quy	7580106	Quản lý đô thị và công trình	50	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
11	DQK	Đại học chính quy	7220201	Ngôn ngữ Anh	320	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
12	DQK	Đại học chính quy	7220202	Ngôn ngữ Nga	50	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
13	DQK	Đại học chính quy	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	950	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy



14	DQK	Đại học chính quy	7480201	Công nghệ thông tin	960	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
15	DQK	Đại học chính quy	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ-điện tử	150	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
16	DQK	Đại học chính quy	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	350	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
17	DQK	Đại học chính quy	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
18	DQK	Đại học chính quy	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	50	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
19	DQK	Đại học chính quy	7580201	Kỹ thuật xây dựng	40	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT - Xét KQ thi đánh giá năng lực/ đánh giá tư duy
20	DQK	Đại học chính quy	7720101	Y khoa	140	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT
21	DQK	Đại học chính quy	7720201	Dược học	180	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT
22	DQK	Đại học chính quy	7720301	Điều dưỡng	60	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT
23	DQK	Đại học chính quy	7720501	Răng-Hàm-Mặt	60	- Xét KQ thi TN THPT - Xét KQ học tập THPT
24	DQK	Đại học chính quy	7210403	Thiết kế đồ họa	100	- Xét KQ thi TN THPT kết hợp thi năng khiếu - Xét KQ học tập THPT kết hợp thi năng khiếu - Xét điểm thi năng khiếu của Trường khác kết hợp điểm thi THPT và HB
25	DQK	Đại học chính quy	7580108	Thiết kế nội thất	50	- Xét KQ thi TN THPT kết hợp thi năng khiếu - Xét KQ học tập THPT kết hợp thi năng khiếu - Xét điểm thi năng khiếu của Trường khác kết hợp điểm thi THPT và HB
26	DQK	Đại học chính quy	7580101	Kiến trúc	50	- Xét KQ thi TN THPT kết hợp thi năng khiếu - Xét KQ học tập THPT kết hợp thi năng khiếu - Xét điểm thi năng khiếu của Trường khác kết hợp điểm thi THPT và HB



5. Các thông tin cần thiết khác :

5.1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước

5.2. Hồ sơ xét tuyển gồm có:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (tải trên website <http://hubt.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>).
- + Chứng minh thư nhân dân hoặc CCCD (bản sao công chứng);
- + Học bạ THPT (bản sao công chứng);
- + Bản sao **công chứng** Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước) hoặc Bản sao công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025);
- + Giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh (công chứng nếu có).
- + Bản sao công chứng Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia Hà Nội tổ chức (HAS) đối với hình thức xét tuyển điểm đánh giá tư duy, năng lực.

5.3. Hình thức nhận hồ sơ:

a) Nộp hồ sơ trực tuyến:

- + **Bước 1:** Khai thông tin đăng ký xét tuyển trực tuyến tại địa chỉ <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.
- + **Bước 2:** Nộp hồ sơ bản giấy (như quy định tại Mục 5.2) trực tiếp tại Hội đồng tuyển sinh (Nhà A, tầng 1, phòng A110Y), thời gian thu: Sáng từ 8h00 đến 11h00; Chiều từ 13h30 đến 16h30 **hoặc** gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện tới trường theo địa chỉ nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển.

b) Nộp hồ sơ trực tiếp:

Thí sinh nộp hồ sơ bản giấy (như quy định tại Mục 5.2) trực tiếp tại Hội đồng tuyển sinh (Nhà A, tầng 1, phòng A110Y), thời gian thu: Sáng từ 8h00 đến 11h00; Chiều từ 13h30 đến 16h30.

❖ Địa chỉ nhận Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

Hội đồng tuyển sinh - Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội,
số 29A, Ngõ 124, Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
SĐT: 0243.633.9113.

5.4. Nội dung khác:

- Trường không phân bổ chỉ tiêu giữa các phương thức xét tuyển.
- Cả 2 phương thức xét Điểm thi tốt nghiệp THPT và Học bạ đều dùng chung nhóm tổ hợp xét tuyển, và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 1 ngành.
- Trường không sử dụng kết quả miễn bài thi môn ngoại ngữ.
- Trường không áp dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển.
- Điểm cộng ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm tối đa của mỗi tổ hợp không quá 30 điểm.



6. Tổ chức tuyển sinh :

+ Đợt 1 từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 31/07/2025: Tiếp nhận hồ sơ xét tuyển bằng học bạ, xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, thí sinh thực hiện các công việc sau:

- Thí sinh đăng ký nguyện vọng, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>. Đối với những thí sinh đã tốt nghiệp THPT, trung cấp nhưng chưa có tài khoản đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trên hệ thống thì đăng ký tài khoản tại các điểm tiếp nhận theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi thí sinh thường trú.

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển như quy định cụ thể tại Mục 5.2, 5.3.

*** Ghi chú:**

+ Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước: hồ sơ nộp trực tiếp về Trường từ 25/06/2025 (xem quy định cụ thể tại Mục 5.3) và phải đăng ký nguyện vọng, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>;

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2025: Nộp hồ sơ bản giấy sau khi thí sinh nhận được Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời. Chi tiết được thông báo trên website của Trường <http://hubt.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.

+ Các đợt tiếp theo nhà Trường sẽ thông báo nếu có.

7. Chính sách ưu tiên :

- Xét tuyển thẳng: trường dành 5% chỉ tiêu từng ngành đào tạo đối với thí sinh thuộc diện tuyển thẳng sau đây:

- ✓ Đối với thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế, tốt nghiệp THPT năm 2025 và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường, được tuyển thẳng vào Trường theo ngành thí sinh đăng ký.
- ✓ Đối với thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc trong Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, tốt nghiệp THPT năm 2025 và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường được tuyển thẳng vào Trường theo ngành thí sinh đăng ký.
- ✓ Đối với các thí sinh đối tượng khác, các điều kiện xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

- Ưu tiên xét tuyển: Theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển :

Nhà trường không thu lệ phí xét tuyển. Trường hợp thí sinh đăng ký tại cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT sẽ nộp lệ phí theo quy định của Bộ GD&ĐT.

9. Thực hiện các cam kết đối với thí sinh, giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước; quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và đào tạo và quy định của Trường.



10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã trường	Tên chương trình	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	DQK	Đại học chính quy	7210403	Thiết kế đồ họa	Xét KQ thi TN THPT	40	0	19	40	45	19
					Học bạ	60	106	19	60	78	19
2	DQK	Đại học chính quy	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét KQ thi TN THPT	360	233	22	360	210	22,5
					Học bạ	600	1372	22	600	808	24
3	DQK	Đại học chính quy	7340120	Kinh doanh quốc tế	Xét KQ thi TN THPT	150	112	21	150	205	21
					Học bạ	250	422	21	250	379	24
4	DQK	Đại học chính quy	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Xét KQ thi TN THPT	150	141	20	150	212	21
					Học bạ	220	487	20	220	757	21,5
5	DQK	Đại học chính quy	7340301	Kế toán	Xét KQ thi TN THPT	170	164	20,5	170	283	21,5
					Học bạ	300	685	20,5	300	478	24,5
6	DQK	Đại học chính quy	7380107	Luật kinh tế	Xét KQ thi TN THPT	120	29	19	120	198	22,5
					Học bạ	180	167	19	180	173	24,5
7	DQK	Đại học chính quy	7480201	Công nghệ thông tin	Xét KQ thi TN THPT	360	106	22	360	92	22
					Học bạ	600	1142	22	600	845	23,5
8	DQK	Đại học chính quy	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	Xét KQ thi TN THPT	50	79	19	50	129	23
					Học bạ	100	143	19	100	228	24
9	DQK	Đại học chính quy	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Xét KQ thi TN THPT	150	54	21	150	93	21
					Học bạ	200	445	21	200	390	23,5
10	DQK	Đại học chính quy	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Xét KQ thi TN THPT	50	93	19	50	148	23
					Học bạ	100	243	19	100	223	24
11	DQK	Đại học chính quy	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Xét KQ thi TN THPT	20	3	19	20	3	19
					Học bạ	30	5	19	30	7	19
12	DQK	Đại học chính quy	7580101	Kiến trúc	Xét KQ thi TN THPT	20	0	19	20	2	19
					Học bạ	30	35	19	30	21	19
13	DQK	Đại học chính quy	7580106	Quản lý đô thị và công trình	Xét KQ thi TN THPT	20	16	19	20	20	19
					Học bạ	30	7	19	30	44	19
14	DQK	Đại học chính quy	7580108	Thiết kế nội thất	Xét KQ thi TN THPT	20	0	19	20	7	19
					Học bạ	30	19	19	30	19	19
15	DQK	Đại học chính quy	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Xét KQ thi TN THPT	15	26	19	15	27	19
					Học bạ	25	26	19	25	73	19



16	DQK	Đại học chính quy	7720101	Y khoa	Xét KQ thi TN THPT	100	15	22,5	100	56	22,5
					Học bạ	40	88	24	40	79	24,5
17	DQK	Đại học chính quy	7720201	Dược học	Xét KQ thi TN THPT	100	22	21	100	38	21
					Học bạ	80	52	24	80	39	24
18	DQK	Đại học chính quy	7720301	Điều dưỡng	Xét KQ thi TN THPT	30	2	19	30	9	19
					Học bạ	30	27	19	30	35	19,5
19	DQK	Đại học chính quy	7720501	Răng - Hàm - Mặt	Xét KQ thi TN THPT	35	32	23,5	35	28	24
					Học bạ	25	50	25,5	25	73	25,5
20	DQK	Đại học chính quy	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét KQ thi TN THPT	120	63	19	120	118	19
					Học bạ	200	204	19	200	373	20
21	DQK	Đại học chính quy	7220202	Ngôn ngữ Nga	Xét KQ thi TN THPT	20	8	19	20	3	19
					Học bạ	30	17	19	30	19	19
22	DQK	Đại học chính quy	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét KQ thi TN THPT	350	248	22,5	350	632	24
					Học bạ	600	1126	22,5	600	800	24,5
23	DQK	Đại học chính quy	7310101	Kinh tế	Xét KQ thi TN THPT	80	86	19	80	71	21
					Học bạ	120	210	19	120	389	23
24	DQK	Đại học chính quy	7310205	Quản lý nhà nước	Xét KQ thi TN THPT	15	28	19	15	53	19
					Học bạ	25	22	19	25	96	19
25	DQK	Đại học chính quy	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Xét KQ thi TN THPT	100	99	19	100	216	22,5
					Học bạ	150	282	19	150	208	24,5
26	DQK	Đại học chính quy	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xét KQ thi TN THPT	20	6	19	20	9	19
					Học bạ	30	15	19	30	40	19

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH



PGS., TS. Phạm Văn Đăng



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01: TỔ HỢP, PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Bảng danh sách tổ hợp đối với từng ngành/ khối ngành tuyển sinh: (Mã trường: DQK)

TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
1	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
					X17	Toán, Lịch sử, GD KT&PL
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
			200	Xét Kết quả học tập THPT	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
					X25	Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		
2	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
					X21	Toán, Địa lí, GD KT&PL
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
					D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
			200	Xét Kết quả học tập THPT	X25	Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
			200	Xét Kết quả học tập THPT	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
					X01	Toán, Ngữ văn, GD KT&PL
X17	Toán, Lịch sử, GD KT&PL					
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử		
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh		
			X25	Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh		
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		
4	7340301	Kế toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
					X17	Toán, Lịch sử, GD KT&PL
			200	Xét Kết quả học tập THPT	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh					
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
					D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
					X25	Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
5	7380107	Luật kinh tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
			200	Xét Kết quả học tập THPT	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
					X01	Toán, Ngữ văn, GD KT&PL
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
					D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
6	7310101	Kinh tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
			200	Xét Kết quả học tập THPT	X25	Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
7	7310205	Quản lý nhà nước	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
			200	Xét Kết quả học tập THPT	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD KT&PL
8	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	Xét Kết quả học tập THPT	X78	Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh
					X21	Toán, Địa lí, GD KT&PL
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN	X05	Toán, Vật lí, GD KT&PL
8	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	X62	Ngữ văn, Hóa học, GD KT&PL
			200	Xét Kết quả học tập THPT	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
8	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	Xét Kết quả học tập THPT		
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
9	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
					X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh
					X06	Toán, Vật lí, Tin học
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
					X05	Toán, Vật lí, GD KT&PL
10	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
					X21	Toán, Địa lí, GD KT&PL
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
					X05	Toán, Vật lí, GD KT&PL
					X06	Toán, Vật lí, Tin học
					X07	Toán, Vật lí, CN công nghiệp
					X11	Toán, Hóa học, CN công nghiệp



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển				
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp			
11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học			
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh			
					X21	Toán, Địa lí, GD KT&PL			
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh								
X05	Toán, Vật lí, GD KT&PL								
X06	Toán, Vật lí, Tin học								
X07	Toán, Vật lí, CN công nghiệp								
X11	Toán, Hóa học, CN công nghiệp								
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học			
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh			
					X21	Toán, Địa lí, GD KT&PL			
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh								
X07	Toán, Vật lí, CN công nghiệp								
X11	Toán, Hóa học, CN công nghiệp								
X05	Toán, Vật lí, GD KT&PL								
X06	Toán, Vật lí, Tin học								
11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN					
			12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		
						12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	402



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
13	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
				C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
			200	Xét Kết quả học tập THPT	X07	Toán, Vật lí, CN công nghiệp
					X11	Toán, Hóa học, CN công nghiệp
					X05	Toán, Vật lí, GD KT&PL
					A06	Toán, Hóa học, Địa lí
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		
14	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học
					A06	Toán, Hóa học, Địa lí
				D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh	
			200	Xét Kết quả học tập THPT	X13	Toán, Sinh học, GD KT&PL
					X62	Ngữ văn, Hóa học, GD KT&PL
					X01	Toán, Ngữ văn, GD KT&PL
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
15	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
					A04	Toán, Vật lí, Địa lí
			200	Xét Kết quả học tập THPT	X01	Toán, Ngữ văn, GD KT&PL
					X21	Toán, Địa lí, GD KT&PL
					X05	Toán, Vật lí, GD KT&PL
X06	Toán, Vật lí, Tin học					
X11	Toán, Hóa học, CN công nghiệp					
16	7580106	Quản lý đô thị và công trình	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01 D09 X78 C00 X25 D14 D15	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
			200	Xét Kết quả học tập THPT		
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		
18	7220202	Ngôn ngữ Nga	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01 D09 X78 C00 X25 D14 D15	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
			200	Xét Kết quả học tập THPT		
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		
19	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01 D09 D14 D15 C00 X25 X78	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Toán, GD KT&PL, Tiếng Anh Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh
			200	Xét Kết quả học tập THPT		
			402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN		



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
20	7720101	Y khoa*	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A02	Toán, Vật lí, Sinh học
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
					X13	Toán, Sinh học, GD KT&PL
21	7720201	Dược học**	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					X09	Toán, Hóa học, GD KT&PL
					X10	Toán, Hóa học, Tin học
					X06	Toán, Vật lí, Tin học
					X13	Toán, Sinh học, GD KT&PL
22	7720301	Điều dưỡng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					X09	Toán, Hóa học, GD KT&PL
					X10	Toán, Hóa học, Tin học
					X06	Toán, Vật lí, Tin học
					X13	Toán, Sinh học, GD KT&PL
23	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
			200	Xét Kết quả học tập THPT	A02	Toán, Vật lí, Sinh học
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh



TT	Ngành học		Phương thức xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	
	Mã	Tên ngành	Mã	Tên PTXT	Mã	Tổ hợp
24	7210403	Thiết kế đồ họa	405	Thi THPT kết hợp điểm năng khiếu	H01	Toán, Ngữ văn, Vẽ MT
			406	Xét Kết quả học tập THPT kết hợp điểm năng khiếu	H06 H08	Ngữ văn, Tiếng Anh, Vẽ MT Ngữ văn, Lịch sử, Vẽ MT
25	7580108	Thiết kế nội thất	405	Thi THPT kết hợp điểm năng khiếu	H01	Toán, Ngữ văn, Vẽ MT
			406	Xét Kết quả học tập THPT kết hợp điểm năng khiếu	H06 H08	Ngữ văn, Tiếng Anh, Vẽ MT Ngữ văn, Lịch sử, Vẽ MT
26	7580101	Kiến trúc	405	Thi THPT kết hợp điểm năng khiếu	V00 V01 V02 H00	Toán, Vật lí, Vẽ MT Toán, Ngữ văn, Vẽ HHMT Toán, Tiếng Anh, Vẽ MT Ngữ văn, Vẽ MT 1, Vẽ MT 2
			406	Xét Kết quả học tập THPT kết hợp điểm năng khiếu	H06 V03 V06 H02	Ngữ văn, Tiếng Anh, Vẽ MT Toán, Hóa học, Vẽ MT Toán, Địa lí, Vẽ MT Toán, Vẽ MT 1, Vẽ MT 2

- Cả 2 phương thức xét Điểm thi tốt nghiệp THPT và Học bạ đều dùng chung nhóm tổ hợp xét tuyển, và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 1 ngành.

- Trường không sử dụng kết quả miễn bài thi môn ngoại ngữ.

* Ngành Y khoa: Nếu thí sinh dùng tổ hợp A00 (Toán-Vật lí- Hóa học) để xét tuyển thì thí sinh phải có điểm tổng kết môn Sinh học cả năm lớp 12 từ trên 7.5 trở lên.

** Ngành Dược học: Nếu dùng tổ hợp không có môn Hóa học thì quy định phải có điểm tổng kết môn Hóa học cả năm lớp 12 từ 7.5 trở lên.



PHỤ LỤC 02: HỌC PHÍ

STT	NGÀNH HỌC	HỌC PHÍ 1 TÍN CHỈ CHUNG	HỌC PHÍ 1 HỌC KỲ *	SỐ HỌC KỲ
1.	Quản trị kinh doanh	350.000	6.390.000	8
2.	Kinh doanh quốc tế	350.000	6.390.000	8
3.	Tài chính - Ngân hàng	350.000	6.390.000	8
4.	Kế toán	350.000	6.390.000	8
5.	Luật kinh tế	350.000	6.390.000	8
6.	Kinh tế	350.000	6.390.000	8
7.	Quản lý nhà nước	350.000	6.390.000	8
8.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	350.000	6.390.000	8
9.	Quản lý tài nguyên và môi trường	420.000	8.610.000	8
10.	Quản lý đô thị và công trình	350.000	6.390.000	8
11.	Ngôn ngữ Anh	350.000	6.740.000	8
12.	Ngôn ngữ Nga	350.000	6.740.000	8
13.	Ngôn ngữ Trung Quốc	350.000	6.740.000	8
14.	Công nghệ thông tin	420.000	8.610.000	8
15.	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	420.000	8.670.000	8
16.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	420.000	8.610.000	8
17.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	420.000	8.610.000	8
18.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	420.000	8.610.000	8
19.	Kỹ thuật xây dựng	420.000	8.610.000	8
20.	Y khoa	1.610.000	33.140.000	12
21.	Dược học	680.000	13.330.000	10
22.	Điều dưỡng	680.000	13.770.000	8
23.	Răng - Hàm - Mặt	1.950.000	41.600.000	12
24.	Thiết kế đồ họa	350.000	6.740.000	8
25.	Thiết kế nội thất	350.000	6.740.000	8
26.	Kiến trúc	420.000	8.610.000	8

**Học phí 1 học kỳ = (Đơn giá 1 tín chỉ x $\sum$ số tín chỉ) / số học kỳ*

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Tên trường: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	1
2. Mã trường: DQK.....	1
3. Địa chỉ:	1
4. Thông tin liên hệ	1
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:	1
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:	1
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:	1
II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY	2
1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển	2
2. Phương thức tuyển sinh:	2
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:.....	2
4. Chỉ tiêu tuyển sinh	5
5. Các thông tin cần thiết khác :	7
6. Tổ chức tuyển sinh :	8
7. Chính sách ưu tiên :	8
8. Lệ phí xét tuyển :	8
9. Thực hiện các cam kết đối với thí sinh, giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro	8
10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất	9
PHỤ LỤC	11
PHỤ LỤC 01: TỔ HỢP, PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN.....	11
PHỤ LỤC 02: HỌC PHÍ.	22



**ĐỊA CHỈ NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
số 29A, ngõ 124 phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Số điện thoại: **0243.633.9113**



TỔNG ĐÀI TUYỂN SINH

1900 633695

